TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày 20-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và ông Vương Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình - Cán bộ TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964

Đăng ký HKTT: Tổ 27, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Tổ 07, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị Th**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh **Nguyễn Xuân T2**, sinh năm 1982

Địa chỉ: SN 03, tổ 23, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ngày 04 tháng 8 năm 2016, ông T có cho bà Vũ Thị Th ở tổ 14, phường N, thành phố T vay số tiền 12.000.000đồng *(Mười hai triệu đồng)*, khi vay tiền, bà Th có viết giấy vay tiền cho ông T, hai bên có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, thoả thuận này không ghi vào

giấy vay tiền, thời hạn vay tiền là 40 ngày sau ngày viết giấy vay tiền. Từ khi vay tiền đến nay, bà Th chưa trả cho ông được khoản tiền nào kể cả gốc và lãi, mặc dù đã nhiều lần ông yêu cầu bà Th phải trả nhưng bà không trả được mà cứ khất nợ. Do vậy ông T làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang giải quyết: Buộc bà Vũ Thị Th trả cho ông số tiền gốc là 12.000.000đồng *(M□ời hai triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2016 (là ngày bà Th vi phạm hợp đồng) đến ngày 14/12/2017 (là ngày ông gửi đơn khởi kiện đến Toà án) là 15 tháng x 2%/tháng = 3.600.000đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.600.000đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

*** Bị đơn bà Vũ Thị Th trình bày:**

Ngày 04 tháng 8 năm 2016 bà có vay tiền của ông Nguyễn Văn T với số tiền là 10.000.000đồng, nhưng ông T yêu cầu bà viết giấy vay tiền với số tiền là 12.000.000đồng trong đó có 2.000.000đồng là tiền lãi, có anh Nguyễn Xuân T2 là người làm chứng cùng ký. Đến ngày 17 tháng 8 năm 2016, anh T2 đến nhà bà Th yêu cầu bà phải trả số tiền đã vay của ông T, bà Th đồng ý và trả làm 02 lần, lần 01 là 5.000.000đồng, anh T2 cũng không có giấy uỷ quyền của ông T về việc đi đòi nợ, khi trả tiền bà cũng không gọi điện để báo cho ông T biết. Đến lần thứ 02, vào ngày 28 tháng 8 năm 2016, anh T2 tiếp tục yêu cầu bà Th trả số tiền còn nợ của ông T (cũng không có giấy uỷ quyền đòi nợ), bà Th tiếp tục trả 5.000.000đồng cho anh T2, khi trả xong bà có gọi điện báo cho ông T biết, ông T có nói: *"Bà trả hết rồi thì để tôi gọi cho thằng T2"*. Nay ông T khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà phải trả số tiền gốc là 12.000.000đồng *(M□ời hai triệu đồng)* và tiền lãi là 3.600.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 15.600.000đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)*, bà không đồng ý vì bà đã trả hết số tiền đã vay của ông T cho anh T2 rồi, vì vậy bà yêu cầu ông T phải yêu cầu anh Nguyễn Xuân T2 trả tiền.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân T2 trình bày:**

Ngày 04/8/2016, anh có được chứng kiến việc bà Vũ Thị Th viết giấy vay tiền của ông T và anh đã ký là người làm chứng vào giấy vay tiền. Thực tế anh có làm công ăn lương cho ông T, trong 02 tháng ông T chưa thanh toán tiền lương cho anh. Do thời gian đã lâu anh không nhớ cụ thể ngày tháng nhưng vào khoảng đầu năm 2017 ông T có yêu cầu anh đi đòi nợ (bằng miệng), đòi của bà Th số tiền mà ông T đã cho bà Th vay ngày 04/8/2016. Sau đó anh đã đi đòi và bà Th trả cho anh 02 lần là 10.000.000đồng (mỗi lần bà Th trả 5.000.000đồng), anh không viết giấy nhận tiền với bà Th. Số tiền đã đòi được này anh có thông báo với ông T và ông T có biết nhưng anh nói với ông T: *"Do ông không thanh toán tiền công cho tôi nên tôi đã tiêu số tiền này rồi"* và anh hẹn sẽ trả ông T sau. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả số tiền 15.600.000đồng (cả gốc và lãi), anh nhận trả nợ cho ông T (thay cho bà Th) số tiền là 10.000.000đồng chứ không phải 15.600.000đồng và anh sẽ trả dần cho ông T mỗi tháng 1.000.000đồng.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên họp các đương sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp tại Toà án. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Toà án cũng đã tiến hành các phiên hoà giải để các bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án nhưng không thành, vì vậy Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Vũ Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền gốc và tiền lãi là 15.600.000đồng, trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi là 3.600.000đồng. Tuy nhiên, tại phần tranh luận ông T thay đổi yêu cầu tính lãi suất đối với bà Th, ông T đề nghị HĐXX tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, thời hạn tính lãi kể từ ngày bà Th vi phạm hợp đồng vay tài sản đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là bà Vũ Thị Th không nhất trí với yêu cầu của ông T vì cho rằng bà chỉ vay số tiền gốc 10.000.000đồng và đã trả số tiền này cho anh Nguyễn Xuân T2 và yêu anh T2 có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000đồng cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân T2 đồng ý với ý kiến của bà Vũ Thị Th, anh T2 xác nhận đã cầm số tiền 10.000.000đồng mà bà Th đưa để trả cho ông T nhưng anh chưa đưa cho ông T. Tại phần tranh luận anh T2 có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Văn T: Yêu cầu ông T thanh toán 02 tháng tiền công mà anh đã làm thuê cho ông T.

Ông Nguyễn Văn T không đồng ý với ý kiến của bà Th và anh T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Vũ Thị Th trả cho ông số tiền gốc 12.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật áp dụng:

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 04 tháng 8 năm 2016 bà Vũ Thị Th có viết giấy vay tiền của ông Nguyễn Văn T với số tiền 12.000.000đồng *(Mười hai triệu đồng)*, thời gian vay tiền là 40 ngày tính từ ngày viết giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất. Quá thời hạn trả nợ, bà Th không thanh toán tiền cho ông T nên ông Tlàm đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân thành

phố Tuyên Quang yêu cầu giải quyết buộc bà Vũ Thị Th trả cho ông số tiền gốc là 12.000.000đồng *(M□ời hai triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2016 đến ngày 14/12/2017 là 15 tháng x 2%/tháng = 3.600.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 15.600.000đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tại phiên toà, ông T đề nghị tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, kể từ ngày bà Th vi phạm hợp đồng vay tài sản đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về số tiền gốc: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà Vũ Thị Th trả cho ông số tiền gốc là 12.000.000đồng *(M□ời hai triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2016 đến ngày 14/12/2017 là 15 tháng x 2%/tháng = 3.600.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 15.600.000đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tại phiên toà, ông T đề nghị tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm, thời hạn tính lãi kể từ ngày bà Th vi phạm hợp đồng vay tài sản đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Th cho rằng khi vay tiền, ông T đưa cho bà tiền mặt là 10.000.000đồng, còn 2.000.000đồng là tiền lãi ông T tính lãi trước và ghi vào giấy vay tiền. Song trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Th không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh Nguyễn Xuân T2: Ngày bà Th vay tiền và viết giấy vay tiền của ông T, anh cũng có mặt và chỉ thấy bà Thvay 10.000.000đồng và bà Th ghi thêm 2.000.000đồng vào giấy vay tiền là khoản tiền lãi. Song, xem xét về mối quan hệ giữa bà Th và anh T2 thấy bà Th là dì ruột của anh T2, việc bà Th vay được tiền của ông T là thông qua anh T2 quen biết ông T. Bà Th và anh T2 đều là người có năng lực hành vi dân sự, nội dung trong giao dịch dân sự (là giấy vay tiền) không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, HĐXX thấy lời trình bày trên của anh T2 không khách quan và không có căn cứ chấp nhận.

Bà Vũ Thị Th cũng cho rằng, số tiền 10.000.000đồng mà bà vay của ông T bà đã trả cho anh T2, vì vậy ông T phải yêu cầu anh T2 trả tiền cho ông T. Nội dung này cũng được anh T2 xác nhận và đồng ý. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy vay tiền thì bà Th là người trực tiếp vay tiền của ông T và viết giấy vay tiền cho ông T. Ông T không nhờ anh T2 đến lấy tiền mà bà Th vay. Bà Th cũng xác nhận anh T2 không được ông T uỷ quyền đến lấy tiền. Khi bà Th trả tiền (lần 1) cho ông T, bà Th cũng không báo với ông T. Vì vậy, việc bà Th trả tiền cho anh T2 là không đúng, nội dung này bà Th có quyền khởi kiện anh T2 bằng một vụ việc dân sự khác.

Mặc dù anh T2 nhận là người đứng ra trả tiền thay cho bà Th nhưng ông T không đồng ý với việc thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba nên không chấp nhận ý kiến của bà Th và anh T2 về nội dung này. Tại phiên toà anh T2 có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn Văn T là: Yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán 02 tháng tiền công mà anh đã làm thuê cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã giải thích về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh T2 nhất trí, không có yêu cầu độc lập. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc

lập của anh T2, anh T2 có quyền khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T bằng một vụ việc dân sự khác đối với nội dung này.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Vũ Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền gốc 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)*.

[3.2] Về lãi suất: Do bà Vũ Thị Th vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền nên bà Th phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong giấy vay tiền ngày 04/8/2016 không ghi về lãi suất và tại phiên toà các bên có xác nhận về việc ông T cho bà Th vay tiền có lãi suất nhưng bà Th không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất vì vậy lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 476 của bộ luật dân sự năm 2005 là lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010). Thời gian tính lãi suất được tính từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày 15/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/7/2018 là: 01 năm 10 tháng 05 ngày. Tiền lãi được tính như sau:

- 12.000.000đồng x 9% x 01 năm = 1.080.000đồng.

- 9%/ năm = 0,75%/tháng => 10 tháng 05 ngày = 915.000đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi là 1.995.000.000đồng.

Cộng cả tiền gốc và lãi mà bà Th phải trả cho ông T là 13.995.000đồng *(Mười ba triệu chín trăm chín mươi năm nghìn đồng)*.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của ông T được Toà án chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

V*ì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Các Điều 26; 35; 39; 147; 184; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 471; 474; 476 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T

- Buộc bà Vũ Thị Thcó nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc là 12.000.000đồng và tiền lãi là 1.995.000đồng. Cộng cả tiền gốc và lãi là 13.995.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải

trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị Th phải chịu 699.800đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 390.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0005126 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang